

Số: 48/BC-MNHPHUC

Hải Hưng, ngày 15 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm: 2026**

I.THÔNG TIN CHUNG

1.Tên trường: Trường Mầm non Hải Phúc

2.Địa điểm trụ sở chính:

+ Điểm chính: Khu 2/9 xóm Chùa xã Hải Hưng – tỉnh Ninh Bình

3. Điện thoại: 0395.521.914

Địa chỉ trang tin điện tử: <http://c0mnhaiphuc.namdinhh.edu.vn>

4.Loại hình: Trường Mầm non công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng trực tiếp quản lý.

5.Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

a.Sứ mệnh:

Trường mầm non Hải Phúc đã và đang xây dựng một tập thể xuất sắc, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên những người thực hiện nhiệm vụ trông người một cách nhiệt huyết và hiệu quả chương trình giáo dục của nhà trường. Bên cạnh đó nhà trường thường xuyên xây dựng mối giao tiếp, quan hệ gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của học sinh với phương châm “ trao yêu thương, nhận hạnh phúc”.

b.Tầm nhìn:

Trở thành trường học xuất sắc và không ngừng phát triển, nơi trang bị cho học sinh nền tảng vững vàng thông qua sự kết hợp hài hòa chương trình giáo dục quốc gia với chương trình giáo dục của nhà trường, giúp các con học sinh vững vàng về thể lực, tâm thế và kiến thức để bước tiếp lên các bậc học cao hơn.

c.Mục tiêu của nhà trường

Phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

6.Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường mầm non Hải Phúc được thành lập vào năm 1960 gọi là trường Mầm non dân lập Hải Phúc.

Ngày 28/12/2004 theo quyết định số 2820/QĐ-UB.Chuyển thành trường bán công xã Hải Phúc.

Ngày 25/10/2010 Phúc theo quyết định 3952/QĐ- UBND chuyển thành trường Mầm non công lập Hải Phúc có hiệu lực từ ngày 01/09/2010

Trong quá trình hình thành và phát triển được sự quan tâm, chỉ đạo sát xao của Đảng ủy, ban ngành, chính quyền địa phương xã Hải Hưng, sự phối kết hợp chặt chẽ với ban đại diện cha mẹ học sinh, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CB, GV, NV nhà trường đạt được những thành tích đáng ghi nhận. Qua 65 năm xây dựng và phát triển nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Năm học 2020 – 2013 trường được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quyết định số: 2157/QĐ-UBND ngày 28/08/2020, chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp theo quyết định soos2001/QĐ-SGDĐT ngày 12/11/2020, Kiểm định Chất lượng theo quyết định số: 1282/QĐ-SGDĐT ngày 28/08/2020

Tháng 12 năm 2025 trường tiếp nhận khu trạm xá và trường chuyển về 1 khu. Nhà trường đã được UBND xã cải tạo đầu tư sửa chữa các phòng chức năng, nhà kho, sân chơi đảm bảo theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ II.

Năm học 2025 -2026 trường được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, Kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo quyết định số: 999/QĐ-SGDĐT tỉnh Ninh Bình ngày 29/05/2026,

Từ năm học 2012 – 2013 đến năm học 2025 – 2026 nhà trường luôn đạt “Tập thể lao động tiên tiến” chi bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, Chi bộ năm 2018,2024 được đánh giá chi bộ “Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ.

7.Thông tin người đại diện:

Họ và tên: Lại Thị Huế

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hải Phúc

Số điện thoại: 0395.521.914

Gmail: Laihue1975@gmail.com

8.Tổ chức bộ máy:

* Trường chuyển từ trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập theo quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu.

* Đ/c Lại Thị Huế: sinh ngày 29/03/1975, vào ngành 01/09/1994, có 14 năm trực tiếp giảng dạy và 17 năm 7 tháng giữ chức vụ quản lý.

- Tháng 09/2008 được bổ nhiệm là Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Hải Phương theo Quyết định số 9167/QĐ-UBND ngày 21/08/2008 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu;

- Tháng 09/2013 được bổ nhiệm lần 2 làm Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Hải Phương theo Quyết định số 9885/QĐ-UBND ngày 06/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu;

- Bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Mầm non Hải Phương từ ngày 01/05/2017 theo Quyết định Số 1555/QĐ-UBND ngày 18/04/2017 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu;

- Luân chuyển viên chức quản lý đến làm Hiệu trưởng trường Mầm non Hải Phúc từ ngày 01/7/2022 theo Quyết định Số 7638/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu.

* Đ/c Đỗ Thị Sơn Bổ nhiệm là Phó Hiệu trưởng Trường mầm non Hải Phúc lần đầu theo Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của chủ tịch UBND huyện Hải Hậu từ ngày 01/9/2012;

- Bổ nhiệm là Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hải Phúc lần hai theo Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của chủ tịch UBND huyện Hải Hậu từ ngày 01/9/2017;

- Bổ nhiệm là Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hải Phúc lần ba theo Quyết định số 9611/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của chủ tịch UBND huyện Hải Hậu từ ngày 01/9/2022.

* Đ/c Nguyễn Thị Xuân Bổ nhiệm là Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hải Phúc lần đầu từ ngày 01/02/2017 theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của chủ tịch UBND huyện Hải Hậu;

- Lần 2 được bổ nhiệm là Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hải Phúc từ ngày 01/02/2022 theo Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của chủ tịch UBND huyện Hải Hậu.

* Chi bộ có 14 đảng viên, Ban chi ủy gồm 3 đồng chí theo quyết định số: 219-QĐ/ĐU ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Đảng ủy xã Hải Hưng điều chỉnh nhiệm kỳ chi bộ Đồng chí Lại Thị Huế - giữ chức vụ Bí thư chi bộ, đồng chí Đỗ Thị Sơn - giữ chức vụ Phó bí thư chi bộ, đồng chí Nguyễn Thị Xuân giữ chức vụ chi ủy viên . Chi bộ

đã lãnh đạo chỉ đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường có kỷ cương, nề nếp, chất lượng chăm sóc giáo dục được nâng cao đưa phong trào nhà trường ngày càng phát triển đi lên.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ:

T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Tự ĐG Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	T h S	ĐH	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số giáo viên, nhân viên	30			16	8	1	6		21	2				
I	Giáo viên	20			12	8				20	0				
1	Nhà trẻ	6			6					6		2	4		
2	Mẫu giáo	14			6	8				14		7	7		
II	Cán bộ quản lý	3			3					1	2	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1	2			
III	Nhân viên	7													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	5						5							

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên trong năm học: 03

người, đều được sở cấp chứng chỉ hoàn thành chương BDTX.

- Giáo viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên trong năm học: 19 người đều được sở cấp chứng chỉ hoàn thành chương BDTX.

- 100% CB, GV tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên; thực hiện đầy đủ quy chế chuyên môn.

- 100% CB, GV, NV tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Tạo điều kiện cho CBGV tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các lớp tập huấn của SGD, PGD. Cụ thể:

- 07 Giáo viên đi học lớp Đại học tại chức học vào thứ 7, chủ nhật hàng tuần.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		
II	Loại phòng học	11	
1	Phòng học kiên cố	11	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	7.289	25,3
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	5.289	18,3
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	2000	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	880	3.05 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	450	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	165	0,57 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi phía trước(m ²)	200	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	60	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	40	
7	Diện tích phòng giáo dục tin học (m ²)	40	
8	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	150	
9	Diện tích các phòng hành chính quản trị (m ²)	15	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		

1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	211	11
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu so với quy định	130	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	3	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	12	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	2	
3	Máy phô tô	0	
5	Catsset	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	0	
7	Thiết bị khác (bộ âm ly loa đài)	1	-
8	Đồ chơi ngoài trời	12	-
9	Bàn ghế đúng quy cách (bộ)	230	230/11
10	Loa kéo	2	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá: Nhà trường hoàn thành công tác tự đánh giá năm học 2025-2026, kết quả như sau: Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	

Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				

Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
		22/22	21/21	14/15

Kết quả: Đạt Mức 3

*** Đánh giá theo Mức 4**

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3	x	X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	
	01/06	05/06	

Kết quả: Không đạt Mức: 4

*** Kết luận:** Trường đạt Mức 2

- Các tiêu chí đạt mức 1: 22/22 = 100%
- Các tiêu chí đạt mức 2: 21/21 = 100%
- Các tiêu chí đạt mức 3: 14/15 = 93,3%
- Các tiêu chí đạt mức 4: 01/6 = 16,6%
- Các tiêu chí không đạt mức 4: 05/06 = 84,4%

Kết quả: Mức tự đánh giá của nhà trường: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ II.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

- Năm 2012 trường được công nhận trường Mầm non đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 và năm 2016 trường được công nhận trường Mầm non Xanh - Sạch – Đẹp An Toàn năm 2020 trường được công nhận lại trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ II. Trường Xanh – Sạch – Đẹp an toàn.

- Năm học 2025 -2026 trường được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, Kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo quyết định số: 999/QĐ-SGDĐT tỉnh Ninh Bình ngày 29/05/2026

- Nhà trường đã tham mưu UBND xã Hải Hưng, đầu tư cơ sở vật chất để đạt chuẩn trường Quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3:

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, các lực lượng xã hội và gia đình trẻ trong việc xây dựng cảnh quan, môi trường sư phạm... phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây.

- Nhà trường thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/TT-BGDĐT ngày 13/4 2021.

- Tên chương trình giáo dục mầm non, quốc gia cung cấp chương trình: Việt Nam.

- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục: Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường tăng cường phối hợp với phụ huynh về công tác tuyên truyền về GDMN mục đích: Là thay đổi quan niệm sai lệch (Cho rằng mầm non chỉ là trông trẻ), nâng cao nhận thức về phát triển toàn diện cho trẻ thể chất, trí tuệ, tình cảm.

Nội dung trọng tâm: Tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng, cách chăm sóc tại nhà, phổ biến kiến thức về nuôi dạy con

Cách thức thực hiện: Tổ chức các buổi họp phụ huynh, hội thảo chuyên đề, sử dụng mạng xã hội, zalo, Facebook của trường, lớp, băng rôn, website giáo dục

-Tăng cường hợp tác quốc tế: Mục đích tiếp cận các mô hình giáo dục tiên tiến trên thế giới như Montessori, STEAM. Xây dựng môi trường học tập đa dạng văn hóa cho trẻ

- Nội dung: Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý. Trao đổi kinh nghiệm giảng dạy giáo trình và phương pháp tiếp cận mới.

- Xây dựng các phương pháp giao lưu, làm quen ngoại ngữ cho trẻ.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan.

Nhóm lớp	Kế hoạch phát triển năm học 2025 - 2026		Kết quả đạt được		Ghi chú
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	
Nhà trẻ	3	71	3	82	
MG 3 tuổi	2	56	2	56	
MG 4 tuổi	3	65	3	67	
MG 5 tuổi	3	81	3	83	
Tổng cộng	11	273	11	288	

- Nhà trường có 01 điểm trường thuận tiện cho công tác quản lý chỉ đạo, công tác chuyên môn và công tác nuôi ăn bán trú.

- Nhà trường có 11 nhóm lớp, 3 nhóm trẻ và 8 lớp mẫu giáo

- Huy động số học sinh ra lớp là 384 trẻ (Trong đó trẻ học tại trường là 288 học sinh, học trường cùng xã, tư thục và xã khác tư thục là 82 trẻ).

+ Nhà trẻ ra lớp: 107/228 trẻ đạt 47% DSĐT (Học tại trường 82 trẻ, học trường cùng xã, tư thục và xã khác tư thục là 12 trẻ)

+ Mẫu giáo ra lớp: 277 trẻ đạt 100% DSĐT (học tại trường là 206 trẻ học trường cùng xã, tư thục và xã khác tư thục là 71 trẻ)

- Huy động 117/117 trẻ 5 tuổi đạt 100% trẻ diện phổ cập đến trường.

b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục: Đính kèm.

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội: Đính kèm.

d. Thực đơn hằng ngày của trẻ em: Đính kèm

đ. Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định: Không có.

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2025 -2026.

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	288		27	55	56	67	83
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	288		27	55	56	67	83
3	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	288		27	55	56	67	83
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	288		27	55	56	67	83
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	288		27	55	56	67	83
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	0						
1	<i>Số trẻ cân nặng bình thường</i>	286		25	55	56	67	83
2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>	2		2				
3	<i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i>	293		27	55	56	67	83
4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>							
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	82		27	55			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	205				56	67	83

a) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi.

Huy động 117/117 trẻ em 5 tuổi đến trường lớp đạt 100% DSĐT

Trẻ em đến trường được học theo Chương trình giáo dục mầm non của BGD quy định dành cho trẻ từ 5-6 tuổi nhằm phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm và thẩm mỹ.

Chuẩn bị vào lớp 1 giúp trẻ làm quen với môi trường học đường, nề nếp và các kỹ năng tiền học tập để tự tin khi lên bậc Tiểu học

Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện: CSVC, lớp học an toàn, đủ ánh sáng, đủ thiết bị đồ dùng đồ chơi tối thiểu,

Đội ngũ giáo viên: Phân công giáo viên đứng lớp 5 tuổi là 6 GV/3 lớp 5 tuổi giáo viên đạt trình độ chuẩn 100% và trên chuẩn 5GV/6GV đạt 83,3

Đảm bảo đầy đủ chính sách hỗ trợ cho trẻ em 5 tuổi

b) Số trẻ em khuyết tật: Không có

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài: Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH.

1. Tình hình tài chính thu chi ngân sách năm 2025

* Nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí năm 2025 chi tiết như sau:

a. Ngân sách cấp: 4.092.570.000 đồng

+ Nguồn không tự chủ: 167.090.000 đồng

+ Nguồn tự chủ: 3.605.644.000 đồng

+ Nguồn kinh phí chế độ tiền thưởng: 158.596.000 đồng

+ Nguồn bổ sung sau 30/9: 161.240.000 đồng (trong đó dự toán còn dư ở kho bạc: 640.000 đồng)

b. Chi ngân sách: 4.091.930.000 đồng

+ Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương: 3.316.707.320 đồng

+ Số kinh phí còn lại dùng để chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, chi hoạt động chuyên môn,...

2. Tình hình tài chính thu chi học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 (từ T8/2025 – T5/2026).

TT	Chỉ số thống kê	Tồn đầu kỳ	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	Học phí	120.609.134	520.600.000	397.077.500	244.131.634
II	Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục				
1	Tiền vệ sinh	-	42.498.000	41.588.000	910.000
2	Tiền nước uống	-	23.610.000	22.773.000	837.000
3	Tiền ăn bán trú	360.300	1.419.386.000	1.418.012.599	1.733.701
4	Tiền đầu cấp	-	18.000.000	18.000.000	-
5	Học thêm	-	56.100.000	56.100.000	-

3. Trong năm 2025-2026 nhà trường đã tiến hành miễn giảm học phí cho học sinh; hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh có cha, mẹ thuộc hộ cận nghèo và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc diện khuyết tật như sau:

- Hỗ trợ miễn giảm học phí từ T9-12/2025 với số tiền: 160.000.000 đồng
- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi từ T9-12/2025 cho 1 học sinh thuộc hộ cận nghèo với số tiền: 640.000 đồng.
- Hỗ trợ tiền chi phí học tập cho học sinh khuyết tật từ T9-12/2025 cho 1 học sinh với số tiền: 600.000 đồng.
- Hỗ trợ miễn giảm học phí năm 2026 với số tiền: 360.000.000 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

* Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06

- Nhà trường đã đôn đốc cán bộ giáo viên hoàn thành đúng tiến độ việc đồng bộ thông tin giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (đối tượng đã thu thập được số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân). Kết quả đã đồng bộ và định danh được 30 CBGVNV và 288 học sinh có định danh cá nhân trên cơ sở dữ liệu ngành

- Tiếp tục xây dựng trang website của trường và hướng dẫn CB,GV,NV sử dụng trang website của trường một cách có hiệu quả.

- 100% GV biết ứng dụng và sử dụng CNTT có hiệu quả trong giảng dạy.

- Thực hiện tốt việc sử dụng internet phục vụ cho việc quản lý nhân sự và CSGD trẻ.

- 100% cán bộ giáo viên trong trường biết sử dụng máy vi tính, soạn bài và soạn thảo các văn bản trên máy vi tính.

- Sử dụng tốt phần mềm quản lý: chăm sóc nuôi dưỡng, kế toán, phổ cập giáo dục, quản lý nhà trường, cơ sở dữ liệu ngành, thi đua khen thưởng, quản lý văn bản.

- Khuyến khích những giáo viên có tay nghề sử dụng CNTT thành thạo và xây dựng kho học liệu điện tử của trường.

2. Công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; việc chấp hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

a. Việc thực hiện công tác kiểm tra nội bộ tại các cơ sở giáo dục.

- Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026, nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ chi tiết và triển khai cụ thể các văn bản chỉ đạo kiểm tra của các cấp và kế hoạch kiểm tra của nhà trường tới toàn bộ cán bộ, giáo viên trong nhà trường nắm được để thực hiện.

Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra theo đúng thời gian quy định và kế hoạch đã xây dựng đạt kết quả tốt. Các cuộc được phân loại theo từng lĩnh vực, cụ thể:

2.1 Kiểm tra thường xuyên

2.2 Kiểm tra theo Kế hoạch

Số lượng giáo viên đã kiểm tra 5/20 tổng số giáo viên. Đạt 25%. (5 Tốt; 1: Khá)

+ Kiểm tra đội ngũ CBGV, NV: 5 cuộc.

+ Kiểm tra cơ sở vật chất : 11 nhóm lớp.

+ Kiểm tra Ban, Bộ phận: 2

1 BGH

2. Hiệu Trưởng, PHT phụ trách CSVC, Kế toán

+ Kiểm tra Tổ CM: Tổ Mẫu giáo

- Kiểm tra công tác bán trú, công tác tài chính tài sản: Tốt.

b. Việc chấp hành pháp luật về tiếp công dân; tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn; giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo: Không có

- Trong công tác thực hiện việc kiểm tra nội bộ, việc thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật PCTN, nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ chi tiết và triển khai tuyên truyền, phổ biến pháp luật các văn bản chỉ đạo kiểm tra cụ thể của các cấp và kế hoạch kiểm tra của nhà trường tới toàn bộ cán bộ, giáo viên trong nhà trường nắm được để thực hiện.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác PCTN nhà trường đã bám sát các văn bản của cấp trên để chỉ đạo thực hiện, bố trí địa điểm, lịch

tiếp, phân công cán bộ quản lý mỗi người trực 1 tuần để nắm bắt tình hình tiếp phụ huynh và giải quyết tình hình khi có việc xảy ra, tuyên truyền, phổ biến pháp luật khiếu nại, tố cáo vào một số buổi sinh hoạt hội đồng sư phạm. 100% CB,GV,NV tham gia.

c. Việc thiết lập, lưu trữ hồ sơ kiểm tra; sử dụng kết quả kiểm tra của đơn vị:

Căn cứ Thông tư 27/2016/TT-BNV ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục; Nhà trường sắp xếp và lưu trữ bảo quản hồ sơ đúng quy định

3.Công tác cải cách hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật, văn thư, lưu

a) Công tác cải cách hành chính:

– Tích cực chỉ đạo, xây dựng, quán triệt, tuyên truyền, thực hiện công tác cải cách hành chính đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong cơ quan mình phụ trách.

– Niêm yết đầy đủ các văn bản về cải cách hành chính bằng nhiều hình thức như: Nội quy cơ quan; nội quy học sinh, quy chế hoạt động dân chủ, quy chế phối hợp giữa các phòng ban và các tổ chức chính trị xã hội trong và ngoài cơ quan.

– Thực hiện đầy đủ các quy định về thủ tục hành chính như: Học sinh chuyển trường, công văn đi đến, chế độ miễn giảm học phí,..

– Tất cả các hồ sơ, sổ sách về công tác hành chính các đơn vị lưu giữ đầy

b) Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai trong nhà trường, triển khai các văn bản chỉ đạo của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành, quản lý của các cơ quan.

- Tuyên truyền đặc biệt với qua phương tiện, thông tin, đại chúng và công nghệ thông tin, truyền miệng về việc thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, việc thể chế hoá bằng quy phạm pháp luật

c) Công tác văn thư lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước:

- Thực hiện tốt công tác văn thư lưu trữ, lưu trữ theo đúng trình tự quy định

- Về lưu giữ, bảo quản, sử dụng văn bản mật: mọi văn bản, tài liệu mật được lưu giữ, bảo quản chặt chẽ và sử dụng đúng mục đích, sau khi xử lý xong được phân loại, lưu giữ vào hồ sơ, cất vào tủ, không tự động mang ra khỏi cơ quan.

- Về tiêu hủy, vật mang BMNN phải đúng nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, phương thức, hình thức... thực hiện theo Điều 11, Thông 33/2015/TT-BCA.

- Các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ BMNN trong công tác văn thư, được nhà trường tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ đảm bảo an toàn các nội dung BMNN chứa đựng trong văn bản, tài liệu, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ, giữ vững ổn định chính trị, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

4. Công tác truyền thông; thi đua, khen thưởng

a) Công tác truyền thông.

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch truyền thông, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, Chính phủ; của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Ninh Bình và. Đảng ủy, UBND xã Hải Hưng. Việc triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc Hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, công tác chỉ đạo, điều hành của ngành giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng và toàn ngành đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo tới toàn thể các cán bộ quản lý, các giáo viên, nhân viên

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông

- Truyền thông các nội dung về chương trình chăm sóc giáo dục trẻ, các hoạt động trong nhà trường như: Ứng dụng các phương pháp đổi mới, hoạt động các ngày lễ ngày hội, xây dựng môi trường học tập, xây dựng trường chuẩn quốc gia...

- Số lượng bài đăng trên Website, facebook của nhà trường: 205 bài

b) Công tác thi đua, khen thưởng

- Xây dựng tiêu chí thi đua, phát động thi đua năm học 2025-2026 đưa ra tiêu chí thi đua tới toàn thể CBGVNV

- Thực hiện kế hoạch, biện pháp tổ chức, nội dung thi đua trong nhà trường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác thi đua, khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt

- Cuối kỳ cuối năm học Hội đồng thi đua họp bình xét CBGVNV có thành tích xuất sắc trong năm học.- Hội đồng thi đua nhà trường đã họp và đề nghị với Hội đồng thi đua cấp trên xét duyệt cho tập thể và cá nhân đạt danh hiệu sau:

* Tập thể: Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

* Cá nhân: CSTĐ cấp cơ sở: 04 đ/c, LĐTT: 20 đ/c.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, viết cam kết đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và các cuộc vận động, phong trào thi đua khác

- Từ đầu năm học nhà trường triển khai viết sáng kiến kinh nghiệm và áp dụng sáng kiến kinh nghiệm tại nhà trường trong năm học 2025-2026, cuối năm học Hội đồng chấm sáng kiến đánh giá, chấm điểm và lập danh sách 2 sáng kiến nộp sáng kiến kinh nghiệm có chất lượng tốt về Phòng Văn hóa Xã hội xã.

- Hội thi giáo viên giỏi của xã: Có 2 giáo viên tham gia đạt kết quả cao
- Hưởng hưởng ứng các cuộc vận động, ủng hộ các quỹ vì người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, chữ thập đỏ...

Thực hiện tốt phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, viết cam kết đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và các cuộc vận động, phong trào thi đua khác

Trên đây là các nội dung công khai năm học 2025-2026, Trường Mầm non Hải Phúc trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c)
- UBND xã Hải Hưng; (Báo cáo)
- Phòng VHXXH; (Báo cáo)
- CBGVNV;
- Lưu: VP, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lại Thị Huế

